

Số: /QĐ-UBND

Ba Tơ, ngày tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc,  
gia cầm trên địa bàn huyện Ba Tơ năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008; số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm (CGC) giai đoạn 2019 - 2025; số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 về việc phê duyệt “Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng (LMLM) giai đoạn 2021 - 2025”; số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) giai đoạn 2020 - 2025; số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021 - 2030; số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trên trâu, bò, giai đoạn 2022 - 2030 và số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022 - 2030;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 về quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 và số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 về ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh; số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh; số 767/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Kế hoạch Quốc gia phòng, chống bệnh cúm gia cầm giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh; số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh; số 523/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020; số 1827/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; số 312/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh VDNC trên trâu bò giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh; số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 về ban hành Quy định mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện kế hoạch thực hiện “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh đại giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.*

*Xét Tờ trình số 01/TTr-TTĐVNN ngày 07/01/2025 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện năm 2025 (gửi kèm theo có Kế hoạch số 02/KH-TTĐVNN ngày 07/01/2025 về phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Ba Tư năm 2025); đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường) tại Báo cáo 06/BC-NNPTNT ngày 10/02/2025 về kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Ba Tư năm 2025 và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Công văn số 80/TCKH ngày 05/3/2025 về việc tham định dự toán Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Ba Tư năm 2025, với các nội dung sau:

**1. Tên kế hoạch:** Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Ba Tư năm 2025.

**2. Đơn vị thực hiện:** Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và UBND các xã, thị trấn.

**3. Mục tiêu**

a) Hạn chế dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản xảy ra trên địa bàn huyện, tiến tới khống chế và thanh toán bệnh lở mồm long móng (*LMLM*), viêm da nổi cục (*VDNC*), dịch tả lợn Châu Phi, dịch tả lợn, cúm gia cầm và bệnh dại chó mèo...trong những năm tiếp theo.

b) Chẩn đoán, lấy mẫu gửi xét nghiệm, bao vây dập tắt nhanh các ổ dịch xảy ra ở gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện không để dịch lây lan ra diện rộng.

c) Nâng cao nhận thức về phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm cho nhân dân, cán bộ thú y cơ sở (*cấp xã, thị trấn*), đảm bảo tiêm phòng vắc xin đạt 80% tổng đàn vật nuôi.

d) Xây dựng và củng cố hệ thống giám sát dịch bệnh từ huyện đến xã nhằm phát hiện sớm, thông tin kịp thời tình hình dịch bệnh và khống chế trong diện hẹp, ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, giảm thiểu tối đa thiệt hại về kinh tế của nhà nước và nhân dân.

#### 4. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực hiện tiêm phòng

TT	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Tỷ lệ và địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Bệnh LMLM gia súc	Trâu, bò từ: 04 tuần tuổi trở lên hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất	Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm.	- Đợt 1: Tháng 5/2025 - Đợt 2: Tháng 11/2025 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
2	Bệnh dại động vật	Chó, mèo từ 2 tháng tuổi trở lên	Tỷ lệ đạt tối thiểu 70% diện tiêm.	- Tiêm đại trà vào tháng 5/2025. - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
3	Bệnh VDNC trâu bò	Trâu, bò, bê, nghé mọi lứa tuổi, kể cả con mẹ mang thai	Tỷ lệ đạt tối thiểu 80% diện tiêm.	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 7/2025; - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
4	Bệnh DTLC	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Tỷ lệ đạt tối thiểu 80% diện tiêm.	- Đợt 1: Tháng 4/2025. - Đợt 2: Tháng 10/2025.
5	Bệnh THT trâu bò	Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên	Tỷ lệ đạt tối thiểu 80% diện tiêm.	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 6/2025; - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
6	Bệnh DTL cổ điển	Lợn từ 5 tuần tuổi trở lên		- Đợt 1: tháng 4/2025. - Đợt 2: tháng 10/2025. - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
7	Bệnh tai xanh	Lợn nái, đực giống	Tỷ lệ đạt tối thiểu 80% diện tiêm.	Khi có dịch xảy ra

## 5. Vắc xin sử dụng tiêm phòng

TT	Loại bệnh	Loại vắc xin	Liều lượng
1	Bệnh LMLM gia súc	Theo chỉ đạo của Cục Thú y và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo quy định của nhà sản xuất.
2	Bệnh Đại động vật		
3	Bệnh VDNC trâu, bò		
4	Bệnh DTLCP		
5	Bệnh THT trâu bò		
6	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển		

## 6. Số lượng vắc xin, hóa chất và nhân lực tiêm phòng

a) Tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng (*LMLM*) cho trâu, bò

a. Số lượng gia súc trong diện tiêm phòng và nhu cầu vắc xin *LMLM*

- Số lượng gia súc thuộc diện tiêm phòng *LMLM* trên địa bàn huyện là 19.650 con/ lượt.

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm trong toàn huyện: Vắc xin nhị type (*O,A*) 39.300 liều.

- Nguồn vắc xin hỗ trợ từ tỉnh: 39.300 liều.

b. Nhân lực: Huy động tối đa lực lượng thú y đang hoạt động tại cơ sở tham gia tiêm phòng (gồm: Cán bộ khuyến nông - thú y xã, thú y hành nghề tư nhân), cán bộ thôn, tổ dân phố tham gia làm nhiệm vụ dẫn đường và ghi chép.

b) Tiêm phòng vắc xin viêm da nổi cục (*VDNC*) cho trâu, bò

- Tổng đàn trâu, bò thuộc diện tiêm phòng là 19.650 con.

- Tổng nhu cầu vắc xin: 19.650 liều.

- Nguồn vắc xin:

+ Tỉnh hỗ trợ: 4.000 liều.

+ Ngân sách huyện mua: 15.650 liều.

- Nhân lực: Huy động tối đa lực lượng thú y đang hoạt động tại cơ sở tham gia tiêm phòng (gồm: Cán bộ khuyến nông - thú y xã, thú y hành nghề tư nhân), cán bộ thôn, tổ dân phố tham gia làm nhiệm vụ dẫn đường và ghi chép.

c) Tiêm phòng vắc xin dịch tả lợn Châu Phi (*DTLCP*)

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 19.400 liều.

- Nguồn vắc xin:

+ Tỉnh hỗ trợ: 2.000 liều

- Ngân sách huyện mua: 17.400 liều.

b. *Nhân lực*: Huy động tối đa lực lượng thú y đang hoạt động tại cơ sở tham gia tiêm phòng (gồm: Cán bộ khuyến nông - thú y xã, thú y hành nghề tư nhân), cán bộ thôn, tổ dân phố tham gia làm nhiệm vụ dẫn đường và ghi chép.

d) Tiêm phòng định kỳ Tụ huyết trùng trâu bò và dịch tả lợn

- Nhu cầu vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò: 19.650 liều.

- Nguồn vắc xin:

+ Ngân sách tỉnh: 0 liều

+ Ngân sách huyện mua: 19.650 liều.

- Nhu cầu vắc xin dịch tả lợn: 30.000 liều.

- Nguồn vắc xin:

+ Ngân sách tỉnh: 0 liều

+ Ngân sách huyện mua: 30.000 liều.

- *Nhân lực*: Huy động lực lượng thú y đang hoạt động tại cơ sở tham gia tiêm phòng (gồm: Cán bộ khuyến nông - thú y xã, thú y hành nghề tư nhân), cán bộ thôn, tổ dân phố tham gia làm nhiệm vụ dẫn đường và ghi chép.

đ) Tiêm phòng vắc xin đại cho chó, mèo: Tổng số chó, mèo dự kiến tiêm trong năm 2025: 1.000 liều/1.000 con.

e) Tiêm phòng vắc xin bệnh tai xanh: Không tổ chức tiêm định kỳ đại trà chỉ thực hiện tiêm phòng bao vây khi có dịch xảy ra.

g) Tiêu độc khử trùng

- Đối tượng, địa bàn: Khu vực công cộng, chợ, bãi chăn thả, cơ sở giết mổ và các hộ chăn nuôi ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Nhu cầu và loại hóa chất khử trùng tinh hỗ trợ: 2.110 lít.

- Thời gian thực hiện: 02 đợt/năm.

## 7. Nội dung chi

a) Tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm:

- Mua vắc xin tiêm phòng:

TT	Loại vắc xin	Nguồn kinh phí	Đơn vị thực hiện
1	Lở mồm long móng	Ngân sách tỉnh	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
2	Vắc xin đại	Người chăn nuôi trả	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
3	Tụ huyết trùng trâu, bò	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
4	Vắc xin dịch tả lợn cổ điển	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
5	Vắc xin dịch tả lợn Châu Phi	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

6	Vắc xin viêm da nổi cục	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
---	-------------------------	---------------------------------	-------------------------------------

- Bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng (*công tiêm phòng*).

TT	Loại vắc xin	Phân cấp nguồn kinh phí	Đơn vị thực hiện
1	Lở mồm long móng	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
2	Vắc xin đại	Người chăn nuôi trả	Người chăn nuôi
3	Tụ huyết trùng trâu, bò	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
4	Vắc xin dịch tả lợn cổ điển	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
5	Vắc xin dịch tả lợn Châu Phi	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện
6	Vắc xin viêm da nổi cục	Ngân sách huyện	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

- Bồi dưỡng cán bộ huyện, xã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản phân công chỉ đạo tiêm phòng và những chi phí khác phục vụ cho công tác tiêm phòng vắc xin.

- Hỗ trợ cho chủ cơ sở có vật nuôi bị phản ứng chết do tiêm phòng vắc xin.

b) Tiêu độc khử trùng:

Tiếp nhận hóa chất hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, trả chi phí thuê nhân công và chi phí khác thực hiện tiêu độc khử trùng.

c) Giám sát: Tổ chức giám sát công tác tiêm phòng, khử trùng tiêu độc và dịch bệnh tại địa phương.

d) Thông tin tuyên truyền: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện tập huấn về kỹ thuật tiêm phòng vắc xin và phòng chống dịch bệnh cho thú y viên và người chăn nuôi từ nguồn ngân sách cấp huyện.

đ) Kiểm tra công tác phòng, chống dịch: Các cấp, ngành tùy theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức thực hiện kiểm tra công tác phòng, chống dịch.

e) Chống dịch khi có dịch xảy ra:

- Nội dung chi:

+ Khi dịch bệnh xảy ra, căn cứ vào mức độ, quy mô, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh, cơ quan chuyên môn các cấp tham mưu chính quyền địa phương thực hiện đầy đủ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định tại Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

+ UBND huyện chủ động sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách huyện để chi phục vụ công tác chống dịch trên địa bàn; kết thúc chống dịch hoặc cuối năm, tổng hợp kinh phí thực hiện theo thực tế và chế độ tài chính quy định hiện hành gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm

tra, trình UBND tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho UBND huyện (*phần kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ*).

- Định mức chi: Định mức chi phục vụ công tác phòng, chống dịch thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh, số 1989/QĐ- UBND ngày 12/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 về ban hành Quy định mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Những trường hợp chủ cơ sở chăn nuôi có gia súc, gia cầm thuộc đối tượng tiêm phòng không chấp hành tiêm phòng theo Kế hoạch của ngành thú y; chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản không thực hiện đúng các hướng dẫn của ngành chức năng như không kiểm dịch con giống, không nuôi đúng lịch thời vụ,... và chủ cơ sở chăn nuôi với quy mô trang trại không khai báo chăn nuôi theo quy định để xảy ra dịch bệnh buộc phải tiêu hủy thì chủ cơ sở sẽ không được hỗ trợ thiệt hại.

## **8. Phân cấp chi ngân sách**

a) Ngân sách huyện:

- Nội dung chi

+ Bồi dưỡng cán bộ cấp huyện tham gia chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch.

+ Bồi dưỡng công tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, chống dịch cho lực lượng trực tiếp tham gia.

+ Mua vắc xin, hóa chất dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ công tác phòng, chống dịch bằng ngân sách huyện sau khi khấu trừ phần ngân sách tỉnh cấp, cụ thể: Đối với vắc xin dịch tả lợn Châu Phi, viêm da nổi cục, ngoài số lượng vắc xin, hóa chất tỉnh mua, UBND huyện sử dụng ngân sách cấp huyện mua số lượng vắc xin, hóa chất còn thiếu để đủ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh động vật; vắc xin tiêm phòng đạt tỷ lệ tối thiểu 80% thuộc diện phải tiêm phòng theo quy định; đối với vắc xin tiêm phòng bệnh tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả lợn cổ điển UBND huyện sử dụng ngân sách huyện để quyết định mua số lượng so với nhu cầu.

+ Hỗ trợ cho chủ cơ sở có vật nuôi bị phản ứng chết do tiêm phòng vắc xin.

+ Hội nghị, tập huấn, thông tin tuyên truyền

+ Thống kê, quản lý đàn vật nuôi, giám sát dịch tễ, xử lý ổ dịch.

+ Chi phí vận chuyển, bảo quản vắc xin từ tỉnh đến huyện, xã.

+Tiền hóa chất, vật tư, nhân công, thuê dụng cụ, phương tiện,... chống dịch.

- Nguồn kinh phí: Ngân sách huyện.

b) Kinh phí ngân sách xã, thị trấn

- Nội dung chi
  - + Bồi dưỡng cán bộ cấp xã, thôn tham gia chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, dẫn đường, ghi chép công tác phòng, chống dịch.
  - + Mua dụng cụ, vật tư, vận chuyển vắc xin.
- Nguồn kinh phí: Ngân sách xã.

## 9. Kinh phí thực hiện

- a). Tổng kinh phí (Phụ lục 1): **2.777.273.440 đồng**. Trong đó:
- Bệnh lở mồm long móng (Phụ lục 2): 233.440.000 đồng.
  - Bệnh viêm da nổi cục (Phụ lục 3): 681.533.240 đồng.
  - Bệnh tụ huyết trùng trâu bò + dịch tả lợn cổ điển (Phụ lục 4): 441.915.000 đồng.
  - Bệnh dịch tả lợn Châu Phi (Phụ lục 5): 1.175.675.200 đồng.
  - Khử trùng tiêu độc (Phụ lục 6): 204.280.000 đồng.
  - Bệnh tai xanh (Phụ lục 7): 12.100.000 đồng.
  - Bệnh dại chó, mèo (Phụ lục 8): 28.330.000 đồng.
- b) Nguồn kinh phí

ĐVT: đồng

Bệnh	Tổng kinh phí	Trong đó	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã
Khử trùng tiêu độc	204.280.000	174.980.000	29.300.000
LMLM	233.440.00	193.700.000	39.740.000
VDNC	681.533.240	661.663.240	19.870.000
DTLCP	1.175.675.200	1.162.815.200	12.860.000
THT trâu bò + DTL cổ điển	441.915.000	411.295.000	30.620.000
Dại chó, mèo	28.330.000	28.330.000	0
Tai xanh	12.100.000	12.100.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.777.273.440</b>	<b>2.644.883.440</b>	<b>132.390.000</b>

(Kèm theo phụ lục: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8)

UBND các xã, thị trấn quyết định sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách của cấp mình để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn xã, thị trấn năm 2025.

**Điều 2.** Phương thức cấp phát và thanh quyết toán kinh phí

### 1. Về vắc xin, hóa chất

a) Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thực hiện tiếp nhận, mua sắm và lập kế hoạch phân bổ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm. Trong



quá trình triển khai thực hiện, giao Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cân đối, điều chỉnh vắc xin tiêm phòng phân bổ cho các xã, thị trấn theo thực tế phát sinh và đề xuất của UBND các xã, thị trấn để công tác phòng, chống dịch bệnh được hiệu quả.

b) UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm về số lượng gia súc, gia cầm thuộc diện tiêm phòng năm 2025 trên địa bàn quản lý, chủ động đăng ký với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và tiếp nhận các loại vắc xin được cấp để triển khai kế hoạch tiêm phòng đúng tiến độ theo Kế hoạch được phê duyệt.

## **2. Về kinh phí**

Trên cơ sở dự toán tại Điều 1 Quyết định này, giao Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu UBND huyện Quyết định phân bổ kinh phí cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện để tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

## **3. Thanh, quyết toán kinh phí**

Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2025 theo kế hoạch đã được phê duyệt và theo số lượng thực tế phát sinh, đúng với quy định hiện hành của Nhà nước; số lượng gia súc, gia cầm được tiêm phòng hoặc tiêu hủy phải có xác nhận của địa phương (*UBND xã, thị trấn*) và tổ chức, cá nhân người chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Kết thúc công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2025, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (*qua Phòng Nông nghiệp và Môi trường*) để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính – Kế hoạch, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở Nông nghiệp và MT;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, NN&MT (Nga).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Thành Minh Thuận**